TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 966/2019/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 21 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84, Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 929/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Phạm Thị Kim A, sinh năm: 1994

HKTT: 58/212A TS, phường TS, quận C, Tp. H.

Địa chỉ: 84/2 TS, phường TS, quận C, Tp. H.

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm: 1988

Địa chỉ: 96/15 R, phường BT, Quận N, Tp. H

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Kim A và ông Nguyễn Ngọc P tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường BT, Quận N, Tp. H.

Thời gian đầu sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc; sau đó ông bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Xét thấy tình cảm của cả hai đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy ông bà yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

[2] Về quan hệ con chung: Có 01 con chung: Nguyễn NH sinh ngày 03/12/2011, hai bên thống nhất giao con chung cho bà A nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông P do bà A không có yêu cầu.

[3] Về tài sản chung, về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Kim A và ông Nguyễn Ngọc P thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Kim A và ông Nguyễn Ngọc P chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2012, quyển số 01/BT ngày 15/3/2012 do UBND phường BT, Quận N, Tp. Hồ Chí Minh cấp cho bà A và ông P không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 01 con chung: Nguyễn NH sinh ngày 03/12/2011, hai bên thống nhất giao con chung cho bà A nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông P do bà A không có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Trong trường hợp bà A không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, bà A hoặc ông P, hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp ông P lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

2. Về lệ phí tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do bà Phạm Thị Kim A và ông Nguyễn Ngọc P chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0012764 ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C. Bà Kim A và ông P đã nộp đủ.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận C;
- Chi cục THADS quận C;
- UBND Phường BT, Quận N, Tp. H;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN

Phùng Thị Huyền Minh